



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3131.1956>

TỔ CHỨC CÁC NGÀY LỄ TRUYỀN THỐNG THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA (GIAI ĐOẠN 1955-1963)

Lê Đình Trọng¹, Đặng Thị Tuyết My^{2*}, Nguyễn Lê Trùng Dương²,
Phạm Mai Gia Huy² và Đặng Hoàng An Khánh²

¹Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm,
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Sinh viên, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm,
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: 0023411479@student.dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 09/3/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 14/4/2026; Ngày duyệt đăng: 18/5/2026

Tóm tắt

Giai đoạn 1955-1963, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã tổ chức, lựa chọn và tái diễn giải một số ngày lễ truyền thống như Tết Nguyên đán, lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng, lễ Thanh Minh, Giỗ Tô Hùng Vương và Tết Trung thu trong khuôn khổ chính sách văn hóa của nhà nước. Dựa trên nguồn tư liệu lưu trữ, báo chí đương thời, diễn văn và văn bản hành chính, bài viết sử dụng phương pháp lịch sử kết hợp với phân tích diễn ngôn và phê bình nguồn tư liệu để làm rõ cách thức nhà nước can dự vào việc tổ chức nghi lễ, định hướng ý nghĩa biểu tượng và lồng ghép các mục tiêu chính trị vào không gian văn hóa truyền thống. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc sử dụng các ngày lễ truyền thống dưới thời Ngô Đình Diệm không chỉ phục vụ mục tiêu cạnh tranh chính trị với miền Bắc, mà còn gắn với nhu cầu xây dựng sự thừa nhận, huy động sự đồng thuận xã hội và kiến tạo hình ảnh quốc gia ở miền Nam Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết góp phần làm rõ mối quan hệ giữa văn hóa và quyền lực trong lịch sử Việt Nam hiện đại, đồng thời cho thấy mức độ, phương thức và giới hạn của quá trình chính trị hóa các ngày lễ truyền thống dưới chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Từ khóa: Giai đoạn 1955-1963, ngày lễ truyền thống, văn hóa, Việt Nam Cộng hòa.

Trích dẫn: Lê, Đ. T., Đặng, T. T. M., Nguyễn, L. T. D., Phạm, M. G. H., & Đặng, H. A. K. (2026). Tổ chức các ngày lễ truyền thống thời Việt Nam Cộng hòa (giai đoạn 1955-1963). *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Online First*, 1-16. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3131.1956>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

THE ORGANIZATION OF TRADITIONAL FESTIVALS IN THE REPUBLIC OF VIETNAM, 1955-1963

**Le Dinh Trong¹, Dang Thi Tuyet My^{2*}, Nguyen Le Trung Duong²,
Pham Mai Gia Huy², and Dang Hoang An Khanh²**

¹*Faculty of Social Sciences Teacher Education, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam Vietnam*

²*Student, Faculty of Social Sciences Teacher Education, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

^{*}*Corresponding author, Email: 0023411479@student.dthu.edu.vn*

Article history

Received: 09/3/2026; Received in revised form: 14/4/2026; Accepted: 18/5/2026

Abstract

During the period 1955-1963, the government of the Republic of Vietnam selectively organized, institutionalized, and reinterpreted a number of traditional festivals - such as the Lunar New Year (Tết Nguyên Đán), the commemoration of the Trung Sisters, the Qingming Festival (Thanh Minh), the Hung Kings' Commemoration Day, and the Mid-Autumn Festival - within the framework of its cultural policy. Drawing on archival materials, contemporary press sources, speeches, and administrative documents, this study employs a historical methodology combined with discourse analysis and source criticism to examine how the state intervened in ritual organization, shaped symbolic meanings, and embedded political objectives within traditional cultural practices. The findings indicate that the utilization of traditional festivals under the Ngô Đình Diệm regime served not only the political competition with North Vietnam, but was also closely associated with efforts to construct legitimacy, mobilize social consensus, and project a national image in South Vietnam. Accordingly, the study contributes to a deeper understanding of the relationship between culture and power in modern Vietnamese history, while also clarifying the extent, modalities, and limitations of the politicization of traditional festivals under the Republic of Vietnam.

Keywords: *1955-1963, culture, Republic of Vietnam, traditional festivals.*

1. Giới thiệu

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, văn hóa truyền thống luôn giữ vai trò quan trọng trong việc bồi đắp bản sắc cộng đồng, củng cố ý thức dân tộc và nuôi dưỡng sức mạnh tinh thần của nhân dân trong quá trình dựng nước và giữ nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, việc “kê thừa, phát huy giá trị văn hóa truyền thống là yêu cầu cấp thiết” (Hào & cs., 2024, tr. 118) để tạo động lực cho sự phát triển. Chính vì vậy, nghiên cứu các hình thức tổ chức và sử dụng yếu tố văn hóa truyền thống trong lịch sử hiện đại không chỉ có ý nghĩa nhận thức về mặt học thuật mà còn góp phần làm sáng rõ hơn vai trò của văn hóa trong đời sống chính trị - xã hội, cũng như trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, lịch sử và giá trị dân tộc.

Trong bối cảnh đất nước tạm thời bị chia cắt sau Hiệp định Genève năm 1954, miền Nam Việt Nam trở thành địa bàn diễn ra sự đối đầu quyết liệt giữa cách mạng Việt Nam với các chiến lược can thiệp của đế quốc Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Trong quá trình đó, chính quyền Ngô Đình Diệm không chỉ xây dựng bộ máy cai trị, thiết lập các công cụ chính trị, hành chính và tuyên truyền, mà còn tìm cách sử dụng một số yếu tố của văn hóa truyền thống nhằm phục vụ cho mục tiêu củng cố chế độ, định hướng đời sống xã hội và xây dựng hình ảnh chính thể. Vì vậy, việc khảo sát cách thức chính quyền Việt Nam Cộng hòa tổ chức một số ngày lễ truyền thống trong giai đoạn 1955-1963 có thể góp phần nhận diện rõ hơn một phương diện trong chính sách văn hóa của chế độ này.

Các công trình như *Cauldron of resistance: Ngo Dinh Diem, the United States, and 1950s Southern Vietnam*, *Misalliance: Ngo Dinh Diem, the United States, and the fate of South Vietnam*, cùng một số nghiên cứu về bối cảnh xã hội - văn hóa miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975, đã góp phần cung cấp thêm những lát cắt quan trọng về môi trường chính trị, xã hội và văn hóa của chế độ Sài Gòn. Tuy nhiên, phần lớn các công trình này chủ yếu tiếp cận ở tầm khái quát, nhấn mạnh đến lịch sử chính trị, chiến tranh, đối ngoại, giáo dục hoặc đời sống văn hóa đô thị. Ngoài ra còn có một số công trình nước ngoài tiếp cận Việt Nam Cộng hòa từ góc độ xây dựng quốc gia, chính sách văn hóa và hoạt động biểu tượng. Chẳng hạn, *The Republic of Vietnam, 1955-1975: Vietnamese Perspectives on Nation Building* xem “xây dựng quốc gia” là “những nỗ lực có tính toán nhằm tạo ra một cộng đồng bên trong một quốc gia-dân tộc” trên cơ sở “những niềm tin, tập quán văn hóa hoặc các nguyên tắc chính trị chung” (Tuong & Sean, 2019, tr. 2). Theo hướng đó, Luận án Tiến sĩ *Hearts and Minds: Cultural Nation Building in South Vietnam* cho thấy chính quyền Ngô Đình Diệm đã chú ý đến các hoạt động như “lễ kỷ niệm công cộng, lễ tưởng niệm và việc trưng bày lịch sử” (Masur, 2004, tr. 5), đồng thời từ năm 1957 đã “tăng cường việc sử dụng các lễ hội công cộng và ngày lễ để quảng bá những thành tựu của chế độ” (Masur, 2004, tr. 92). Những công trình này cung cấp thêm tư liệu và góc nhìn tham khảo về hoạt động văn hóa của chính quyền Sài Gòn. Tuy nhiên, xét từ lập trường sử học cách mạng Việt Nam, cần đặt các hiện tượng đó trong đúng bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước, để bảo đảm cách nhìn khách quan, nhưng không tách rời bản chất chính trị và tính chất lịch sử của chế độ.

Mặc dù đã có những công trình nghiên cứu liên quan, việc tổ chức các ngày lễ truyền thống dưới thời Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1955-1963 nhìn chung vẫn chưa được khảo sát như một đối tượng riêng biệt. Các nghiên cứu hiện có phần lớn mới dừng ở bình diện khái quát về chính trị, xã hội, tuyên truyền hoặc giáo dục miền Nam, trong khi chưa đi sâu làm rõ việc chính quyền Sài Gòn đã lựa chọn, tổ chức và khai thác các ngày lễ truyền thống như thế nào để phục vụ nhu cầu cai trị, tuyên truyền và tác động đến đời sống tinh thần của xã hội miền Nam. Đây chính là khoảng trống mà bài viết hướng tới bổ sung.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung khảo sát việc tổ chức một số ngày lễ truyền thống tiêu

biểu dưới thời Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1955-1963, gồm Tết Nguyên đán, lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng, lễ Thanh Minh, Giỗ Tổ Hùng Vương và Tết Trung thu. Việc lựa chọn các trường hợp này dựa trên ba tiêu chí: mức độ hiện diện trong tư liệu đương thời, khả năng phản ánh sự can dự của chính quyền và giá trị biểu tượng của ngày lễ trong đời sống văn hóa – xã hội. Từ đó, bài viết đặt ra ba câu hỏi nghiên cứu chính: chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã quan niệm như thế nào về vai trò của văn hóa truyền thống trong việc tổ chức đời sống công cộng ở miền Nam; các ngày lễ truyền thống được tổ chức và diễn giải lại theo những phương thức nào; và việc sử dụng các ngày lễ ấy cho thấy gì về mối quan hệ giữa văn hóa truyền thống với hoạt động cai trị, tuyên truyền và quản lý xã hội của chế độ.

Về tư liệu, bài viết chủ yếu dựa trên hồ sơ lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, tài liệu hiện lưu tại Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, cùng với báo chí, diễn văn và văn bản hành chính đương thời. Về phương pháp, nghiên cứu sử dụng phương pháp lịch sử kết hợp với phân tích diễn ngôn và phê bình nguồn, nhằm phân biệt giữa ngôn ngữ chính sách, mục tiêu tuyên truyền của chính quyền và thực tế vận hành của đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, bài viết hướng tới hai đóng góp chính: một là bổ sung thêm tư liệu về chính sách văn hóa của chính quyền Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn 1955-1963; hai là góp phần làm rõ hơn cách thức chính quyền này khai thác các yếu tố văn hóa truyền thống nhằm phục vụ yêu cầu củng cố chế độ, tác động đến nhận thức xã hội và xây dựng cơ sở tinh thần cho bộ máy cai trị ở miền Nam Việt Nam.

2. Nội dung

2.1 Tư tưởng và mục đích của chính quyền Việt Nam Cộng hòa trong việc sử dụng yếu tố văn hoá truyền thống dân tộc

2.1.1. Về tư tưởng

Tư tưởng văn hóa của chính quyền Ngô Đình Diệm không hình thành từ một nguồn duy nhất, mà là kết quả của sự đan xen giữa nhiều lớp ảnh hưởng: đạo đức Công giáo và các giá trị Ki-tô giáo, chủ nghĩa nhân vị, diễn ngôn về văn hóa dân tộc và truyền thống Việt Nam, cùng một số yếu tố của hiện đại tính phương Tây như cách Seth Jacobs từng nhận định: "Diệm không cảm thấy bị ràng buộc bởi sự hạn chế của bất kỳ giáo điều đơn lẻ nào, vay mượn ý tưởng từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm Nho giáo, Công giáo, chủ nghĩa cá nhân châu Âu, và những nguồn khác, trong việc xây dựng chương trình của mình để biến Việt Nam thành một nhà nước tự do, thịnh vượng và thống nhất" (Jacobs, 2004, tr. 37). Tuy nhiên, trong toàn bộ hệ thống đó, văn hóa dân tộc và truyền thống Việt Nam giữ vị trí đặc biệt quan trọng, vì đây là lớp biểu tượng có khả năng tạo ra hiệu quả gắn kết xã hội và hỗ trợ cho việc xây dựng hình ảnh của chế độ trong bối cảnh chính trị sau năm 1954.

Quan điểm này được Ngô Đình Diệm thể hiện rõ trong diễn văn tại lễ xây cất Thư viện Quốc gia và Trung tâm Văn hóa Việt Nam (03/7/1956), khi ông nhấn mạnh vai trò của văn hóa truyền thống trong việc xây dựng nền quốc học và khẳng định sức sống bền bỉ của bản sắc dân tộc Việt Nam qua nhiều thế kỷ. Theo ông, chính tinh thần độc lập, tự chủ được hun đúc từ truyền thống văn hóa là yếu tố bảo đảm cho sự trường tồn của giống nòi (Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1956, tr. 6). Tư tưởng đề cao dân tộc tính và Á Đông tính tiếp tục được nhấn mạnh trong huấn từ khai mạc Đại hội Văn hóa toàn quốc (07/01/1957), khi Ngô Đình Diệm xác định con đường phát triển văn hóa gắn với chủ nghĩa nhân vị và sự đồng tiền của toàn dân (Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1957a, tr. 10). Đền Thông báo đọc trước Quốc hội ngày 07/10/1957, văn hóa lại được xác định là một trong những mối quan tâm hàng đầu của chính phủ (Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1957b, tr. 9). Chuỗi phát biểu này cho thấy văn hóa truyền thống không nằm ở ngoại biên của diễn ngôn nhà nước, mà được đặt vào vị trí trung tâm như một trụ cột tinh thần của quốc gia.

Nếu phân tích sâu hơn, có thể nhận ra ít nhất bốn trục tư tưởng nổi bật trong cách chính quyền Việt Nam Cộng hòa tiếp cận văn hóa. Trục thứ nhất là Công giáo và giá trị Ki-tô giáo, thể hiện ở việc nhấn mạnh trật tự đạo đức, kỷ luật xã hội và quan niệm về con người như một hữu thể mang chiều kích luân lý. Trục thứ hai là chủ nghĩa nhân vị, vốn được sử dụng như một nền tảng triết lý để dung hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa phẩm giá con người và trách nhiệm đối với quốc gia. Trục thứ ba là văn hóa dân tộc và truyền thống Việt Nam, bao gồm lịch sử dựng nước, các anh hùng dân tộc, đạo lý cội nguồn và hệ giá trị được xem là thuần phong mỹ tục. Trục thứ tư là ảnh hưởng văn hóa phương Tây, biểu hiện ở mô hình thể chế, giáo dục, truyền thông và cách nhà nước hiện đại tổ chức biểu tượng công cộng. Trong bốn trục này, văn hóa dân tộc và truyền thống Việt Nam giữ vai trò đặc biệt nổi bật, vì đây là cơ sở giúp chính quyền kết nối mình với chiều sâu lịch sử và các giá trị đã có chỗ đứng trong đời sống xã hội.

Điều này cũng lý giải vì sao bên cạnh chủ nghĩa nhân vị, chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn dành sự quan tâm đáng kể cho những thành tố thuộc truyền thống Nho giáo và đạo lý Á Đông. Việc duy trì hoạt động của Tổng hội Khổng học Việt Nam với mục tiêu “hoàng dương Nho giáo, góp phần chấn hưng và phát triển nền văn hoá căn bản truyền thống tại nước nhà” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1967-1968, tr. 4), cho thấy nhà nước không xem Nho giáo như một tàn dư của quá khứ, mà như một nguồn đạo lý có thể huy động vào việc tổ chức trật tự xã hội. Trong thông điệp nhân dịp lễ khánh đản Đức Khổng Tử năm 1958, Ngô Đình Diệm còn nhấn mạnh sự cần thiết phải “trở về với nguồn gốc, tìm lại những tinh hoa truyền thống” làm nền móng cho công cuộc xây dựng quốc gia (Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1958, tr. 1). Ở đây, truyền thống không phải là đối tượng bảo tồn thụ động, mà là một kho tàng biểu tượng mà nhà nước hiện đại có thể lựa chọn và tái sử dụng.

Tư tưởng bảo vệ văn hóa truyền thống và luân lý xã hội còn được thể chế hóa bằng các chính sách cụ thể, tiêu biểu là Luật số 12/62 ngày 22/5/1962 về “Bảo vệ luân lý”. Luật này quy định chặt chẽ việc kiểm soát các hoạt động và sản phẩm văn hóa bị coi là trái với thuần phong mỹ tục, từ tuyên truyền ngửa thai, phá thai trái phép đến các hình thức sinh hoạt văn hóa bị xem là dung tục; các loại hình nghệ thuật tôn giáo, mỹ thuật thuần túy hoặc dân tộc chỉ được phép tồn tại trong khuôn khổ nghiêm ngặt (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1961, tr. 9). Điều đó cho thấy việc đề cao truyền thống dưới thời Ngô Đình Diệm không chỉ dừng ở diễn ngôn, mà còn gắn với quan niệm quản lý xã hội bằng các chuẩn mực văn hóa và đạo đức do nhà nước xác lập.

2.1.2. Về mục đích

Từ nền tảng tư tưởng nêu trên, có thể thấy việc chính quyền Ngô Đình Diệm đề cao văn hóa truyền thống không chỉ nhằm bảo tồn di sản theo nghĩa văn hóa thuần túy. Quan trọng hơn, văn hóa được huy động như một nguồn lực biểu tượng phục vụ cho quá trình xây dựng quốc gia ở miền Nam Việt Nam sau năm 1954. Trong logic đó, các ngày lễ truyền thống và các biểu tượng lịch sử vừa góp phần củng cố ý thức cộng đồng trong phạm vi miền Nam, vừa hỗ trợ cho việc củng cố cơ sở biểu tượng của chế độ, vừa cung cấp cho nhà nước một ngôn ngữ biểu tượng để diễn giải mình như người kế thừa hợp pháp của lịch sử dân tộc. Chính vì vậy, cần hiểu việc sử dụng các ngày lễ truyền thống dưới chính quyền Việt Nam Cộng hòa như một bộ phận của chiến lược văn hóa - chính trị rộng hơn, chứ không chỉ như một tập hợp hoạt động tuyên truyền rời rạc.

Trong bối cảnh quốc gia bị chia cắt, chiều cạnh xung đột về quan điểm chính trị dĩ nhiên là một thành tố nổi bật. Tuy nhiên, nếu chỉ quy toàn bộ hiện tượng vào mục tiêu “chống cộng”, ta sẽ khó lý giải đầy đủ vì sao chính quyền Việt Nam Cộng hòa lại quan tâm mạnh đến các ngày lễ gắn với cội nguồn dân tộc, với các anh hùng lịch sử hoặc với những sinh hoạt cộng

đồng có sức lan tỏa biểu tượng rộng. Thực chất, “chống cộng” là mục tiêu biểu hiện rõ nhất trong diễn ngôn công khai, nhưng phía sau đó còn là nhu cầu kiến tạo một hình ảnh quốc gia có bề dày lịch sử, có nền tảng đạo lý và có khả năng huy động sự đồng thuận xã hội thông qua các biểu tượng quen thuộc với cộng đồng. Mặt khác, cần thấy rằng quá trình này còn nằm trong quỹ đạo của chiến lược văn hóa thực dân mới, trong đó “‘văn hóa’ thực dân mới lấy chủ nghĩa chống cộng làm tư tưởng chủ yếu (Cường & cs.. 2014, tr. 206). Trên cơ sở ấy, học thuyết “Duy linh - Nhân vị” do Ngô Đình Nhu đề xướng được chính quyền Ngô Đình Diệm ra sức quảng bá như nền tảng tinh thần cho sự thống trị của mình ở miền Nam. Bởi vậy, các hoạt động văn hóa do Mỹ và chính quyền Sài Gòn tổ chức không chỉ phục vụ việc xây dựng biểu tượng quốc gia, mà “còn nhằm ra sức cổ vũ cho cái học thuyết ‘Duy linh - Nhân vị’ phản khoa học ấy” (Cường & cs.. 2014, tr. 206), qua đó hỗ trợ cho các chiến dịch tuyên truyền, “tổ cộng” và định hướng nhận thức chính trị trong xã hội. Ở nghĩa đó, việc sử dụng truyền thống dưới thời Ngô Đình Diệm cần được nhìn đồng thời trên bốn bình diện: xây dựng quốc gia, sự thừa nhận chính thức, huy động xã hội và định hướng cạnh tranh chính trị.

Điều này hiện ra khá rõ trong diễn ngôn về giáo dục.

Tại lễ khai giảng Viện Đại học Huế ngày 03/10/1961, Ngô Đình Diệm khẳng định nền giáo dục “nhân bản” của Việt Nam Cộng hòa là con đường nhằm “phát triển toàn diện con người”, đào tạo công dân cho “chế-độ Cộng hòa Nhân-vị”, đồng thời đối lập trực tiếp với mô hình giáo dục cộng sản mà ông cho rằng chỉ phục vụ đảng và nô lệ hóa con người (Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1961b, tr. 1). Nếu bám sát phát biểu trên, có thể thấy “nhân bản” trước hết không chỉ là một khẩu hiệu chính trị, mà là một quan niệm giáo dục nhấn mạnh sự phát triển toàn diện của con người trên các phương diện tri thức, đạo đức, tinh thần, thể chất và ý thức xã hội. Tuy nhiên, khái niệm ấy không tồn tại tách rời, mà được đặt trong nền tảng tư tưởng nhân vị. Theo logic này, con người vừa có giá trị cá nhân, vừa gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ đối với cộng đồng quốc gia. Vì vậy, giáo dục không được xem là một lĩnh vực trung tính, mà mang chức năng hình thành kiểu công dân phù hợp với mô hình quốc gia mà chế độ muốn xây dựng. Chỉ trên cơ sở đó, mới có thể thấy vì sao trong diễn ngôn chính trị của chính quyền, nền giáo dục “nhân bản” còn được đặt trong thế phân biệt với mô hình giáo dục cộng sản ở miền Bắc.

Bên cạnh giáo dục, các nghi lễ truyền thống cũng trở thành phương tiện để huy động tình cảm chính trị và định hướng nhận thức xã hội. Trong lễ Thanh Minh Tổ Cộng Bính Thân tổ chức ngày 11/4/1956, Bộ Thông tin và Thanh niên công khai tuyên bố mục đích là “vạch trần tội ác bạo sát và đả sát của bè lũ Việt Minh Cộng sản”, “phúng viếng oan hồn” các nạn nhân và “nâng cao lòng căm thù của toàn thể dân tộc Việt Nam đối với chế độ và con người Cộng sản” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1956b, tr. 1). Dẫn liệu này cho thấy một nghi lễ vốn mang tính tưởng niệm đã được đặt vào một cấu trúc ý nghĩa mới, nơi ký ức về cái chết và đau thương chiến tranh được kết nối trực tiếp với diễn ngôn chính trị của nhà nước. Tương tự, trong các hoạt động hướng tới thiếu niên như Tết Trung thu hay Ngày Nhi đồng Quốc tế, nhà nước cũng thường xuyên lồng ghép các thông điệp về nghĩa vụ đối với quốc gia, về sự khác biệt giữa miền Nam và miền Bắc, và về vai trò của thế hệ trẻ trong tương lai của chế độ như việc bày tỏ sự “đau lòng” trước hoàn cảnh thiếu nhi miền Bắc bị cuốn vào các tổ chức cộng sản (Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1959b) hay nhấn mạnh việc đào tạo thế hệ trẻ “có học vấn, có kỹ thuật” để góp phần vào “cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng con người” khỏi ảnh hưởng của cộng sản (Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1961a, tr. 101)

2.2. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa tổ chức các ngày lễ truyền thống trong giai đoạn 1955-1963

Trong thực tiễn, tư tưởng và mục đích chính trị nêu trên được hiện thực hóa thông qua việc tổ chức các ngày lễ truyền thống. Dưới thời Ngô Đình Diệm, các lễ hội truyền thống không chỉ được duy trì mà còn đặt dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của nhà nước, từ nội dung nghi lễ, diễn văn đến hình thức tổ chức và đối tượng tham gia. Các ngày lễ vì thế vừa mang dáng dấp của sinh hoạt văn hóa truyền thống, vừa trở thành công cụ tuyên truyền chính trị, phục vụ mục tiêu củng cố chế độ và “chống cộng”.

2.2.1. Tết Nguyên Đán

Dưới thời Ngô Đình Diệm, Tết Nguyên đán không đơn thuần được duy trì như một lễ hội truyền thống của xã hội Việt Nam, mà được chính quyền Sài Gòn chủ động tái cấu trúc thành một nghi lễ chính trị mang tính nhà nước, phản ánh rõ cách thức chế độ sử dụng văn hóa truyền thống để khẳng định quyền lực và tăng cường sự thừa nhận chính trị. Việc đặt toàn bộ hoạt động lễ Tết dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng thống cho thấy Tết được xem là không gian biểu tượng quan trọng, nơi nhà nước có thể trực tiếp “trình diễn” vai trò lãnh đạo và định hướng giá trị xã hội.

Các huấn thị của Tổng thống quy định chặt chẽ từ khâu xây dựng chương trình, soạn thảo diễn văn đến thành phần tham dự, thể hiện mức độ kiểm soát cao độ đối với nghi lễ. Yêu cầu rằng mọi chương trình phải được trình duyệt trước, “ít nhất là 4 đến 5 ngày trước cuộc lễ”, và việc Tổng thống đích thân quyết định ai được thay mặt tiếp đón tại Dinh Độc Lập (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1956-1961, tr. 1) cho thấy Tết được hành chính hóa và chính trị hóa rõ rệt. Trong bối cảnh đó, nghi lễ Tết không còn là sinh hoạt cộng đồng mang tính tự phát, mà trở thành một thiết chế lễ nghi nhằm củng cố trật tự quyền lực từ trung ương.

Song song với việc kiểm soát nghi lễ, chính quyền Việt Nam Cộng hòa chủ động gắn Tết với các hoạt động xã hội mang tính biểu trưng, tiêu biểu là chương trình “Cây mùa xuân”. Thông qua hình ảnh Tổng thống trực tiếp phát quà cho trẻ em nghèo, chế độ xây dựng hình tượng một nhà nước nhân đạo, bảo trợ và chăm lo cho các tầng lớp yếu thế. Các bài huấn từ trong dịp này nhấn mạnh rằng đời sống yên vui của thiếu nhi miền Nam là kết quả của chế độ cộng hòa, khi khẳng định các em được “sum họp với cha mẹ... do nền cộng hòa đưa lại” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1957a, tr. 2). Qua đó, Tết trở thành dịp để chính quyền Ngô Đình Diệm nhấn mạnh sự khác biệt giữa miền Nam Việt Nam và miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng thời trình bày chế độ cộng hòa như một mô hình bảo đảm ổn định xã hội, trật tự và phúc lợi công cộng ở miền Nam.

Ở bình diện tuyên truyền, Tết Nguyên đán được khai thác triệt để thông qua hệ thống truyền thông nhà nước. Các chương trình phát thanh đêm giao thừa kết hợp Quốc thiều, lời hiệu triệu của Ngô Đình Diệm và các tiết mục văn nghệ mừng xuân không chỉ nhằm tạo không khí lễ hội, mà còn đóng vai trò định hướng cảm xúc và nhận thức chính trị của công chúng (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1957d, tr. 1). Việc đồng thời phát động các hoạt động cứu trợ xã hội, kêu gọi tinh thần “Lá lành đùm lá rách” cho thấy chính quyền cố gắng kết nối các giá trị truyền thống với thông điệp về trách nhiệm xã hội của chế độ.

Đáng chú ý, cùng với việc khuyến khích các hoạt động mang tính biểu trưng, chính quyền cũng áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ trật tự xã hội trong dịp Tết, như cấm đốt pháo và tổ chức bắn pháo hoa tập trung (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1958a). Những biện pháp này phản ánh quan niệm quản lý xã hội mang tính kỷ luật và tập trung quyền lực, trong đó nhà nước giữ vai trò quyết định đối với cả những sinh hoạt văn hóa truyền thống.

Nhìn chung, Tết Nguyên đán dưới thời Ngô Đình Diệm là một ví dụ điển hình cho quá trình chính trị hóa lễ hội truyền thống. Thông qua việc kiểm soát nghi lễ, lồng ghép hoạt động xã hội và khai thác mạnh mẽ công tác tuyên truyền, chính quyền VNCH đã biến Tết từ một

sinh hoạt văn hóa cộng đồng thành một công cụ biểu đạt quyền lực và hợp thức hóa về mặt chính trị.

2.2.2. Lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng

Trong hệ thống các ngày lễ truyền thống được chính quyền Sài Gòn tổ chức giai đoạn 1954-1963, lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng giữ một vị trí đặc biệt. Không chỉ là ngày tưởng niệm hai nữ anh hùng dân tộc, lễ này còn được chính quyền Ngô Đình Diệm chủ động tái định nghĩa như một sự kiện chính trị - văn hóa nhằm huy động biểu tượng lịch sử phục vụ cho cuộc cạnh tranh chính trị trong bối cảnh đất nước bị chia cắt.

Ngay từ lễ kỷ niệm đầu tiên năm 1956 tại Sài Gòn, sự hiện diện trực tiếp của Ngô Đình Diệm cùng các quan chức cao cấp cho thấy mức độ ưu tiên chính trị dành cho ngày lễ này. Trong bài huấn thị, hình tượng Hai Bà Trưng được đặt vào một diễn ngôn đối kháng trực diện với miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Những phát biểu như “Diệt tan bè lũ việt gian Cộng sản và bọn xâm lăng Tàu cộng” hay “diệt hết quân xâm lăng và bè lũ Việt gian cộng sản tay sai của Tàu cộng để giải phóng miền Bắc” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1956a, tr. 12) cho thấy lễ kỷ niệm đã vượt xa khuôn khổ tưởng niệm lịch sử, trở thành diễn đàn tuyên truyền chính trị công khai.

Từ năm 1957, khi lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng gắn chặt với Ngày Phụ nữ Việt Nam và đặt dưới sự bảo trợ nổi bật của bà Trần Lệ Xuân, tính chính trị của ngày lễ càng được tăng cường. Các nghi thức như dâng hương, tuần hành, biểu tình và diễn thuyết được tổ chức quy mô, song nội dung trung tâm vẫn là việc lên án cộng sản và cổ vũ phong trào “Tổ Cộng”. Những phát biểu gây tranh cãi như việc gọi đối phương là “kẻ cướp phát áo thầy tu” hay nhấn mạnh “Những hoạt động truyền miên chông lại ách độc tài cộng sản” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1957b, tr. 45,52,53) cho thấy diễn ngôn lịch sử đã bị chính trị hóa mạnh mẽ, làm mờ nhạt ý nghĩa văn hóa - biểu tượng ban đầu của ngày lễ.

Theo quan điểm của chính quyền Ngô Đình Diệm, việc trao quyền tổ chức cho các hội đoàn phụ nữ từ năm 1958 không làm giảm vai trò chỉ phối của nhà nước, mà ngược lại, cho thấy một hình thức “xã hội hóa có kiểm soát”. Phủ Tổng Thống khẳng định: “Năm nay, việc tổ chức ngày Phụ nữ Việt Nam và Lễ Kỷ niệm hai Bà Trưng sẽ hoàn toàn do các hội và đoàn thể Phụ nữ Việt Nam đảm nhiệm” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1958b, tr. 52-53). Tuy nhiên, nội dung lễ vẫn được định hướng chặt chẽ, khi các hình thức khen thưởng và tôn vinh phụ nữ đều gắn với thành tích “Tổ cộng, diệt cộng” và đóng góp cho chính sách của chế độ.

Trong giai đoạn 1959-1963, lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng được tổ chức thống nhất từ trung ương đến địa phương, trở thành một chuỗi sự kiện vừa mang tính biểu tượng, vừa có khả năng huy động công chúng. Lễ khánh thành đài Hai Bà Trưng năm 1962 với sự tham dự “hết sức đông đảo” của quần chúng (Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1962) cho thấy khả năng tập hợp xã hội của ngày lễ. Tuy nhiên, việc các huy chương và danh hiệu năm 1963 đều gắn với phong trào “Tổ cộng, diệt cộng” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1960-1963, tr. 210) cũng cho thấy rõ rằng nội dung chính trị đã chi phối mạnh việc tổ chức và diễn giải ngày lễ này.

Như vậy, trong giai đoạn này, lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng là ngày lễ rất quan trọng ở miền Nam, được chính quyền VNCH chú trọng tổ chức. Trong bối cảnh đất nước chiến tranh chia cắt, chính quyền VNCH của Ngô Đình Diệm đã tổ chức ngày kỷ niệm này không chỉ với mục đích tôn vinh tinh thần yêu nước và truyền thống dân tộc, hoặc đơn thuần đề cao vai trò của người phụ nữ trong xã hội, mà đương nhiên họ phải hướng tới mục đích nhằm củng cố chế độ chính trị và khẳng định lập trường “chống cộng” của họ.

2.2.3. Lễ Thanh Minh

Dưới thời Ngô Đình Diệm, lễ Thanh Minh không chỉ được duy trì như một nghi thức tưởng niệm dân gian, mà còn được chính quyền Việt Nam Cộng hòa tổ chức theo một chương trình tương đối chặt chẽ, với sự tham gia của cơ quan nhà nước, lực lượng an ninh, các tổ chức tôn giáo và trong một số trường hợp cả hệ thống giáo dục. Nếu tiếp cận từ phương diện thực hành nghi lễ, có thể thấy nội dung của lễ không chỉ bao gồm phần tưởng niệm người đã khuất, mà còn có diễu văn, đặt vòng hoa, cầu nguyện hoặc chúc phúc, cùng các hoạt động tuyên truyền đi kèm. Việc lễ này được tổ chức từ cấp trung ương đến địa phương, có sự hiện diện của giới chức hành chính và được đưa vào lịch sinh hoạt chính thức cho thấy lễ Thanh Minh đã được đặt trong khuôn khổ quản lý và định hướng ý nghĩa của nhà nước, chứ không còn vận hành hoàn toàn như một tập tục dân gian tự thân.

Trường hợp lễ Thanh Minh Tổ Cộng Bính Thân ngày 11/4/1956 là một minh chứng rõ. Theo hồ sơ tổ chức, buổi lễ được tiến hành tại Vườn Bách Thảo Sài Gòn với sự tham dự trực tiếp của Tổng thống Ngô Đình Diệm: “Ngài Tổng Thống có đến chủ tọa buổi lễ và đặt một vòng hoa”, cùng sự hiện diện của nhiều lãnh đạo cấp cao và đại diện các tôn giáo (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1957c, tr. 1). Như vậy, trước khi đi tới nhận định về chính trị hóa, bản thân hình thức tổ chức của lễ đã cho thấy một sự chuyển đổi đáng kể từ nghi thức tưởng niệm truyền thống sang một nghi lễ được nhà nước chuẩn hóa và sử dụng có chủ đích.

Không dừng lại ở trung tâm Sài Gòn, chính quyền VNCH còn chỉ đạo tổ chức lễ Thanh Minh đồng loạt tại các địa phương và cơ sở tôn giáo trên cả nước. Việc xác định đây là “một ngày lễ chính thức. Các công sở được nghỉ buổi sáng” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1957c, tr. 1) cho thấy nhà nước đã thể chế hóa lễ Thanh Minh trong hệ thống hành chính. Đáng chú ý hơn, trong lĩnh vực giáo dục, chính quyền yêu cầu các trường học phải “Giảng bài về ý nghĩa lễ Thanh Minh Tổ Cộng”, đồng thời tổ chức các bài tập làm văn về “cảm tưởng của những người đi dự lễ” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1956b, tr. 1,3). Trước hết, cần nhìn nhận những tài liệu này một cách khách quan như những văn bản hành chính - giáo dục phản ánh cách chính quyền Việt Nam Cộng hòa thiết kế nội dung tiếp nhận lễ Thanh Minh trong nhà trường. Việc yêu cầu học sinh viết “cảm tưởng” không chỉ có giá trị như một hình thức ghi nhận phản hồi, mà còn cho thấy nhà nước quan tâm đến việc định hướng cách diễn đạt, cảm thụ và phản ứng của người học đối với nghi lễ. Ở phương diện đó, các tư liệu này phản ánh khá rõ văn hóa chính trị của thời kỳ, trong đó nghi lễ, biểu tượng và sự tham gia của quần chúng được lồng ghép vào quá trình giáo dục công dân. Đồng thời, dù mang tính định hướng, những tài liệu ấy vẫn có giá trị sử liệu quan trọng, vì chúng giúp nhận diện cách chính quyền hình dung về xã hội và cách họ mong muốn xã hội phản hồi trước các thông điệp chính trị được chuyển tải qua lễ Thanh Minh. Chỉ trên cơ sở đánh giá như vậy, mới có thể xem lễ Thanh Minh là một trường hợp cho thấy sự kết hợp giữa tưởng niệm, giáo dục và tuyên truyền chính trị dưới chính quyền Ngô Đình Diệm.

Qua các năm, lễ Thanh Minh tiếp tục được duy trì theo chương trình thống nhất từ trung ương đến địa phương, với sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, lực lượng an ninh và các tổ chức tôn giáo. Các quy định về nghi thức, trang phục cũng được ban hành, yêu cầu người tham dự “mặc quân phục trắng, huy chương đeo thắt” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1959, tr. 3). Báo cáo của các cơ quan trung ương và địa phương cho thấy lễ Thanh Minh được tổ chức đồng thời tại nhiều cơ sở tôn giáo. Tại nhà thờ Tin Lành, buổi lễ do Mục sư Trần Thư Quang chủ tọa, với nội dung cầu nguyện và chúc phúc cho Tổng thống và chính quyền: “Chót hết, Mục sư ngỏ lời kính chúc Tổng thống và các nhân viên Chánh phủ luôn luôn được Khang ninh để điều khiển con thuyền quốc gia đến bến vinh quang”. Tại Vĩnh Long, lễ được tổ chức đồng thời ở nhà thờ Công giáo và chùa Phật giáo, với sự tham dự và chủ tọa của tỉnh trưởng (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1959, tr. 1). Sự phối hợp giữa hành chính, tôn giáo, giáo dục và tuyên

truyền cho thấy lễ Thanh Minh đã được đưa vào một cơ chế huy động chính trị mang tính liên ngành, thay vì chỉ là một hoạt động tưởng niệm đơn lẻ.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng phần lớn tư liệu dùng để khảo sát lễ Thanh Minh trong bài viết này là hồ sơ hành chính, báo cáo tổ chức và văn bản tuyên truyền do phía chính quyền Việt Nam Cộng hòa sản sinh. Vì vậy, giá trị trực tiếp của những nguồn này trước hết nằm ở chỗ chúng phản ánh cách nhà nước thiết kế ý nghĩa chính trị cho nghi lễ, huy động những chủ thể nào tham gia và mong muốn công chúng tiếp nhận thông điệp ấy ra sao. Chúng không cho phép suy ra một cách trực tiếp mức độ tiếp nhận thực tế của toàn bộ xã hội miền Nam. Việc đánh giá đúng tính chất của nguồn là cần thiết để tránh đi từ ngôn ngữ chính trị của nhà nước đến những kết luận xã hội học quá rộng.

Từ các dẫn liệu trên có thể thấy rằng lễ Thanh Minh dưới thời Ngô Đình Diệm không chỉ được duy trì như một nghi thức tưởng niệm, mà còn được tái cấu trúc thành một công cụ huy động chính trị thông qua sự kết hợp giữa hành chính, giáo dục, tôn giáo và truyền thông. Điều quan trọng ở đây không phải là nhà nước xóa bỏ hoàn toàn lớp nghĩa truyền thống của nghi lễ, mà là nhà nước đã chủ động giữ lại hình thức tưởng niệm quen thuộc trong khi tái định hướng nội dung và công năng xã hội của nó theo mục tiêu chính trị của chế độ. Chính ở điểm này, lễ Thanh Minh là một trường hợp tiêu biểu cho cơ chế tổ chức và tái diễn giải các ngày lễ truyền thống ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1955-1963.

2.2.4. Giỗ tổ Hùng Vương

So với các ngày lễ truyền thống khác, Giỗ Tổ Hùng Vương dưới thời Ngô Đình Diệm là một trường hợp đặc biệt. Đây là ngày lễ mang ý nghĩa cội nguồn sâu sắc đối với dân tộc, nhưng lại không được công nhận đầy đủ như một quốc lễ trong cơ chế hành chính của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Việc tổ chức ngày này vì thế chủ yếu diễn ra ở quy mô hội đoàn hoặc địa phương, với thủ tục xin phép và mức độ hỗ trợ hạn chế. Điều đó phản ánh một thế lưỡng nan đáng chú ý: một mặt, nhà nước khó có thể phủ nhận hoàn toàn giá trị biểu tượng của Giỗ Tổ đối với ý thức dân tộc; mặt khác, việc chính thức hóa mạnh mẽ một biểu tượng cội nguồn có sức quy tụ rộng lớn cũng có thể làm nảy sinh những khả năng tập hợp xã hội vượt ra ngoài quỹ đạo kiểm soát chính trị của chế độ.

Trước năm 1954, ngay cả trong chế độ Quốc gia Việt Nam thời Bảo Đại, Giỗ Tổ Hùng Vương cũng chỉ được xếp vào nhóm lễ nghi hạn chế. Sắc lệnh 92 TTK ngày 14/02/1949 quy định: “Nghỉ một buổi thay vì nghỉ trọn ngày cho những lễ: Trần Hưng Đạo, Trưng Vương, Hùng Vương...”. Đến năm 1955, theo Dụ số 16 và 17 ngày 01/3/1955, ngày lễ này tiếp tục bị loại khỏi danh sách ngày nghỉ chính thức: “Không cho nghỉ những ngày lễ: Trần Hưng Đạo, Trưng Vương, Lê Thái Tổ và Phạm Ngũ Lão” (Thư viện Khoa học tổng hợp TP.HCM, 1958, tr. 16). Điều này cho thấy ngay từ đầu, Giỗ Tổ đã không được đặt ở vị trí trung tâm trong chính sách lễ nghi của chính thể kế thừa ở miền Nam.

Trong giai đoạn 1955-1963 dưới chính quyền Ngô Đình Diệm, tình trạng hạn chế đối với việc kỷ niệm Giỗ Tổ Hùng Vương vẫn tiếp tục được duy trì, thậm chí thể hiện rõ hơn qua yêu cầu xin phép và kiểm soát thủ tục tổ chức. Tài liệu hành chính ghi nhận: “Thời Chánh phủ Ngô Đình Diệm, nhân dân muốn kỉ niệm Đức Quốc Tổ phải xin phép khó khăn” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1963-1964, tr. 9). Việc yêu cầu xin phép chặt chẽ cho thấy nhà nước nhìn nhận Giỗ Tổ như một biểu tượng có sức lan tỏa lớn, và chính vì thế cần được kiểm soát cẩn trọng hơn so với một số ngày lễ truyền thống khác.

Tuy vậy, vấn đề cũng bộc lộ sự phức tạp ngay trong chính các lập luận ủng hộ. Một số quan chức cao cấp cho rằng không có trở ngại về mặt hành chính hay chính trị nếu công nhận ngày lễ này. Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lâm Lễ Trinh khẳng định: “không có gì trở ngại nếu ngày

Giỗ Tổ Hùng Vương được coi như Quốc - Lễ tương trợ các ngày lễ kỷ-niệm Hai-Bà-Trung, Đức Trần-Hung-Đạo”, trong khi Tổng giám đốc Công vụ Tôn Thất Trạch đề nghị “tái liệt ngày kỷ niệm Hùng-Vương danh-sách các ngày lễ chính thức” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1962, tr. 323). Những đề xuất này cho thấy các giới chức đương thời ý thức khá rõ giá trị biểu tượng của Giỗ Tổ trong việc củng cố tinh thần dân tộc và tạo cơ sở biểu tượng cho chế độ.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng nhiều lập luận ủng hộ khôi phục. Một số ý kiến trên báo chí đề nghị biến ngày lễ này thành “một ngày Quốc lễ diệt Cộng”, tức là kéo một biểu tượng cội nguồn chung của dân tộc vào trực tiếp trong diễn ngôn đối đầu chính trị. Chính cách tiếp cận ấy làm cho việc chính thức hóa ngày lễ trở nên nhạy cảm hơn. Trong điều kiện không được công nhận chính thức và không có ngân sách nhà nước, các lễ Giỗ Tổ trong giai đoạn này chủ yếu do các hội đoàn xã hội tự tổ chức với hình thức giản lược; tài liệu báo chí ghi nhận rằng: “Không đủ phương tiện thì chỉ cần một cái bàn thờ với một số đồ thờ cúng bản đồ Việt Nam, hương trầm...” (Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1959a, tr. 1). Dù hạn chế về hình thức, việc các hội đoàn vẫn kiên trì tổ chức cho thấy nhu cầu gìn giữ ký ức cội nguồn trong xã hội miền Nam là rất rõ ràng.

Tư liệu hiện có vì vậy cho thấy Giỗ Tổ Hùng Vương dưới thời Ngô Đình Diệm là một biểu tượng vừa được thừa nhận về giá trị dân tộc, vừa bị kiểm soát chặt chẽ về phương diện thể chế. Việc không công nhận chính thức nhưng vẫn cho phép các hội đoàn tổ chức ở quy mô hạn chế phản ánh thái độ dè dặt của chính quyền trước một biểu tượng cội nguồn có khả năng quy tụ rộng và vì thế khó bị quy giản hoàn toàn vào định hướng chính trị của chế độ. Nhìn từ góc độ này, Giỗ Tổ Hùng Vương không chỉ cho thấy giới hạn của chính sách văn hóa dưới chính quyền Việt Nam Cộng hòa, mà còn gợi ra một thực tế quan trọng hơn: không phải mọi biểu tượng truyền thống đều có thể được nhà nước huy động ở cùng một mức độ.

2.2.5. Tết Trung thu

Dưới thời Ngô Đình Diệm, Tết Trung thu không còn được tổ chức đơn thuần như một ngày hội truyền thống của thiếu nhi, mà được chính quyền VNCH xác định rõ là một công cụ giáo dục - tuyên truyền chính trị hướng tới thế hệ trẻ. Việc lựa chọn Trung thu làm đối tượng chính trị hóa phản ánh nhận thức của chính quyền về vai trò chiến lược của thiếu nhi trong việc hình thành ý thức hệ và lòng trung thành với chế độ trong bối cảnh đất nước bị chia cắt.

Ngay từ năm 1955, định hướng chính trị của lễ Trung thu đã được xác lập công khai trong các cuộc họp chuẩn bị. Ban tổ chức thẳng thắn thừa nhận: “Tổ cộng chưa phổ cập tới giới nhi đồng, xin nhân dịp này, phát động trong giới này. Vì thế, lễ này sẽ tổ chức với tánh cách biểu dương thiếu nhi tổ cộng” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1954-1955, tr. 2). Phát biểu này cho thấy lễ Trung thu không còn là không gian văn hóa mang tính tự nhiên của trẻ em, mà được thiết kế có chủ đích như một phương tiện truyền bá tư tưởng chính trị từ rất sớm.

Trên cơ sở định hướng đó, các yếu tố truyền thống của Tết Trung thu bị cải biến một cách có hệ thống. Đồ chơi dân gian – vốn gắn với trí tưởng tượng và đời sống văn hóa trẻ em – được thay thế bằng các hình tượng mang nội dung chính trị. Hồ sơ tổ chức ghi rõ: “đồ chơi phải có tánh đặc biệt như ông tắn sỹ giầy sẽ thay bằng Ngô thủ tướng, chiến sỹ quốc gia, các vị anh hùng lịch sử, các con giống, các đèn trung thu có khẩu hiệu ái quốc, khuyến học, tổ cộng”. Việc này cho thấy không gian vui chơi của trẻ em bị chuyển hóa thành một không gian biểu tượng chính trị, nơi các giá trị truyền thống được tái mã hóa theo yêu cầu của chế độ. Không chỉ đồ chơi, các hình thức sinh hoạt tập thể như hội thi đèn và hát trống quân cũng bị đặt dưới sự kiểm soát nội dung. Ban tổ chức yêu cầu: “ngoài tính cách kỹ thuật, cần có ý nghĩa Tổ cộng, khuyến học hay ái quốc”, và “Các câu hát trống quân sẽ có có ý nghĩa Tổ cộng và cho trẻ em cũng hiểu được” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1954-1955, tr. 4-5). Điều này phản ánh một chiến lược nhất quán nhằm lồng ghép thông điệp chính trị vào mọi khía cạnh của lễ

hội, từ hình ảnh, âm thanh đến ngôn từ, qua đó định hướng nhận thức và cảm xúc của thiếu nhi.

Trong các bài diễn văn tại lễ Trung thu, hình ảnh Ngô Đình Diệm được xây dựng như một “đấng trưởng thượng”, người bảo trợ cho hạnh phúc của trẻ em miền Nam. Đồng thời, các bài diễn văn không quên nhấn mạnh sự đối lập với thiếu nhi “bên kia vĩ tuyến 17”, qua đó khắc sâu ý niệm về sự chia cắt đất nước và trách nhiệm lịch sử của thế hệ trẻ trong việc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1954-1955, tr. 1-2). Việc đặt trẻ em vào diễn ngôn chính trị này cho thấy Trung thu đã được sử dụng như một công cụ nuôi dưỡng ý thức hệ ngay từ tuổi thơ.

Từ cách thức tổ chức và nội dung triển khai, có thể thấy Tết Trung thu dưới thời chính quyền Ngô Đình Diệm đã bị tái định nghĩa sâu sắc về chức năng xã hội. Ngày hội thiếu nhi không còn giữ vai trò chủ yếu là không gian vui chơi và bảo tồn giá trị văn hóa dân gian, mà trở thành một thiết chế giáo dục – tuyên truyền chính trị, trong đó tuổi thơ được huy động như một nguồn lực biểu tượng nhằm phục vụ mục tiêu cạnh tranh chính trị và củng cố quyền lực của chế độ trong bối cảnh chiến tranh lạnh ở Việt Nam.

2.2.6. Một số ngày lễ kỷ niệm khác

Bên cạnh các ngày lễ mang tính phổ biến và được tổ chức thường niên, chính quyền Việt Nam Cộng hòa dưới thời Ngô Đình Diệm còn duy trì hoặc đề cập đến nhiều ngày lễ truyền thống khác như lễ kỷ niệm Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Lê Thái Tổ, lễ Phật Đản, lễ Không Tử, Tết Dương lịch, Lễ Lao động, Lễ Trung Nguyên... Tuy nhiên, cách thức tổ chức và mức độ đầu tư cho các ngày lễ này cho thấy rõ sự phân tầng trong chính sách văn hóa - lễ nghi của chế độ, phản ánh trực tiếp ưu tiên chính trị hơn là thuần túy bảo tồn truyền thống.

Trường hợp lễ kỷ niệm Trần Hưng Đạo là một ví dụ tiêu biểu. Mặc dù chính quyền ban hành quy định cho công sở nghỉ trọn ngày và xác định đây là dịp để “nêu cao công đức của Đức Trần Hưng Đạo Vương”, song trên thực tế, nhà nước không trực tiếp đứng ra tổ chức các nghi lễ long trọng. Hồ sơ hành chính ghi rõ rằng chánh phủ sẽ không có tổ chức các cuộc lễ, thay vào đó là việc sử dụng báo chí và phát thanh như công cụ truyền thông chủ đạo nhằm tuyên truyền, giáo dục tinh thần ái quốc và ý chí chống ngoại xâm. Điều này cho thấy chính quyền lựa chọn hình thức tuyên truyền gián tiếp, kiểm soát nội dung chặt chẽ hơn là tạo không gian sinh hoạt lễ hội cộng đồng. Tương tự, đối với lễ kỷ niệm Lê Thái Tổ và các danh nhân lịch sử khác, vai trò trung tâm không thuộc về nghi lễ truyền thống mà chuyển sang hệ thống giáo dục và truyền thông nhà nước. Bộ Quốc gia Giáo dục được giao nhiệm vụ “thông tư cho tất cả các trường công và tư” để giáo viên “diễn giảng cho sinh viên và học sinh” về tinh thần anh dũng và lòng yêu nước của các anh hùng dân tộc (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1957e, tr. 1-3). Việc này cho thấy chính quyền coi lịch sử và lễ kỷ niệm là công cụ giáo dục chính trị - tư tưởng, được triển khai theo chiều dọc từ trung ương xuống cơ sở, thay vì khuyến khích sự tham gia tự nhiên của cộng đồng.

Đáng chú ý, trong các bài viết và chương trình tuyên truyền nhân dịp kỷ niệm Trần Hưng Đạo năm 1960, hình tượng vị anh hùng dân tộc được diễn giải theo hướng hiện đại hóa và chính trị hóa, nhấn mạnh các yếu tố như “chính sách thân dân” và “nêu gương anh dũng” nhằm phục vụ trực tiếp cho bối cảnh chiến tranh và mục tiêu “chống cộng” của chế độ (Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1961). Qua đó, lịch sử không chỉ được kể lại, mà còn được tái cấu trúc để đáp ứng nhu cầu tuyên truyền đương thời.

Nhìn tổng thể, các ngày lễ kỷ niệm khác dưới thời Ngô Đình Diệm tuy vẫn hiện diện trong đời sống văn hóa - xã hội miền Nam, nhưng phần lớn không được tổ chức như những sinh hoạt lễ hội truyền thống đúng nghĩa. Thay vào đó, chúng được giản lược nghi thức, chuyển

hóa thành các hoạt động tuyên truyền qua giáo dục và truyền thông đại chúng, với nội dung được định hướng rõ ràng theo mục tiêu chính trị của chính quyền. Điều này phản ánh nhất quán chiến lược của VNCH trong việc sử dụng văn hóa truyền thống như một phương tiện hỗ trợ cho việc củng cố chế độ và đấu tranh ý thức hệ, hơn là bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội dân gian trong tính đa dạng vốn có của nó.

2.3. Thảo luận

Việc tổ chức các ngày lễ truyền thống dưới thời Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn 1955-1963 cho thấy đây không phải là những hoạt động văn hóa thuần túy, mà là một bộ phận của chính sách văn hóa gắn với yêu cầu tổ chức xã hội và tuyên truyền của chính quyền. Qua cách lựa chọn nhân vật lịch sử, sắp xếp nghi thức, sử dụng diễn văn và truyền thông báo chí, chính quyền đã định hướng lại ý nghĩa của một số ngày lễ theo những nội dung phù hợp với mục tiêu chính trị của chế độ. Trong bối cảnh đó, truyền thống được sử dụng không chỉ để tạo sự gắn kết xã hội, mà còn để hỗ trợ việc xây dựng hình ảnh của chính quyền như một lực lượng đại diện cho quốc gia và văn hóa dân tộc.

Tuy nhiên, sự can thiệp này không diễn ra giống nhau ở mọi trường hợp. Một số ngày lễ được nhấn mạnh hơn do dễ gắn với các thông điệp về đạo đức, trật tự xã hội, tinh thần cộng đồng và trách nhiệm công dân; ngược lại, một số hình thức sinh hoạt truyền thống chỉ được duy trì ở mức hạn chế hoặc bị gián lược về nghi thức. Sự khác biệt đó phản ánh tính lựa chọn trong chính sách văn hóa của Việt Nam Cộng hòa: giá trị của một ngày lễ không chỉ phụ thuộc vào vị trí của nó trong truyền thống, mà còn phụ thuộc vào khả năng được chuyển hóa thành phương tiện phục vụ tuyên truyền và tổ chức xã hội.

Ngoài ra, việc khai thác các ngày lễ truyền thống còn gắn với nhu cầu xác lập vị thế của chính quyền Việt Nam Cộng hòa trong bối cảnh phân tranh quốc gia. Tham vọng của chính quyền không chỉ giới hạn ở việc huy động sự đồng thuận trong nước, mà còn sử dụng các chính sách văn hóa và diễn giải lễ hội để "khắc họa Sài Gòn như là nhà nước Việt Nam duy nhất và để tranh giành tính chính danh văn hóa với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa" (Tran, 2013, tr. 36) trên trường quốc tế. Trong ý nghĩa đó, các ngày lễ truyền thống không chỉ là một phương tiện tác động vào đời sống tinh thần trong nước, mà còn là một phần trong nỗ lực xây dựng hình ảnh chính trị - văn hóa của chế độ ra bên ngoài.

Dù vậy, trường hợp Việt Nam Cộng hòa cũng cho thấy việc huy động truyền thống vào mục tiêu chính trị luôn có giới hạn. Nhà nước có thể tác động đến hình thức tổ chức, nội dung tuyên truyền và cách phổ biến biểu tượng trong không gian công cộng, nhưng không dễ dàng quyết định hoàn toàn ý nghĩa xã hội của các truyền thống văn hóa vốn có chiều sâu lịch sử và phạm vi ảnh hưởng rộng trong cộng đồng. Chính giới hạn đó cho thấy mối quan hệ phức tạp giữa văn hóa và quyền lực, đồng thời làm rõ hơn đặc điểm vận hành của chính sách văn hóa dưới thời Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn 1955-1963.

3. Kết luận

Bài viết xác định rằng trong giai đoạn 1955-1963, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã sử dụng việc tổ chức các ngày lễ truyền thống như một bộ phận của chính sách văn hóa nhằm định hướng nhận thức xã hội, phục vụ tuyên truyền và củng cố vị thế chính trị của chế độ. Trong quá trình đó, truyền thống không được tiếp nhận như một giá trị văn hóa bất biến, mà được lựa chọn, điều chỉnh và diễn giải lại theo những yêu cầu cụ thể của nhà nước.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy việc tổ chức các ngày lễ truyền thống dưới thời Việt Nam Cộng hòa không vận hành theo một mô hình thống nhất. Mức độ đầu tư, hình thức thể hiện và ý nghĩa chính trị - xã hội của từng trường hợp có sự khác biệt rõ rệt. Sự khác biệt này

phản ánh tính lựa chọn trong chính sách văn hóa của chính quyền, đồng thời cho thấy việc huy động các biểu tượng truyền thống vào mục tiêu tuyên truyền và tổ chức xã hội luôn có những giới hạn nhất định.

Từ đó, bài viết bổ sung thêm tư liệu cho nghiên cứu về chính sách văn hóa của Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn 1955-1963 và góp phần làm rõ hơn mối quan hệ giữa văn hóa, biểu tượng và quyền lực trong lịch sử Việt Nam hiện đại.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp mã số SPD2025.02.30./.

Tài liệu tham khảo

- Cường, T. Đ., Đạo, N. H., & Vân, L. T. (2014). *Lịch sử Việt Nam. Tập 12, Từ năm 1954 đến năm 1965*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Hảo, B. T., Hương, L. T., & Tuyên, P. T. (2024). Kế thừa, phát huy giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế - Thực trạng và khuyến nghị. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*(69A).
- Jacobs, S. (2004). *America's Miracle Man in Vietnam: Ngo Dinh Diem, Religion, Race, and U.S. Intervention in Southeast Asia*. Durham: Duke University Press.
- Masur, M. B. (2004). "Hearts and Minds: Cultural Nation-Building in South Vietnam, 1954-1963". *Luận án Tiến sĩ*, The Ohio State University, Columbus.
- Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. (1956). *Diễn văn của Ngô Tổng thống trong buổi lễ đặt viên gạch đầu tiên xây cất thư viện Quốc gia và Trung tâm Văn hoá Việt Nam tại Thủ đô Sài Gòn ngày 3-7-1956*. Ngô Đình Diệm.
- Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. (1957a). *Huấn từ của Ngô Tổng thống nhân dịp Lễ khai mạc Đại hội Văn hóa toàn quốc 7/1/1957*. Ngô Đình Diệm.
- Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. (1957b). *Thông báo của Ngô tổng thống đọc trước quốc hội ngày khai mạc khoá họp thường lệ 7-10-1957*. Ngô Đình Diệm.
- Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. (1959a, 4 7). Ngày Giỗ Tổ tới nơi rồi. (197). *Báo Cách Mạng Quốc Gia*.
- Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. (1959b, 9). Trung thu, Tết của nhi đồng. (2). *Sáng Dội Miền Nam*.
- Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. (1958). Thông điệp của tổng thống nhân dịp lễ khánh đản Đức Khổng Tử (28-9-1958). (2). *Trung học Nguyệt San. Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản*.
- Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. (1961a). *Huấn từ của Tổng thống nhân dịp Tết Trung thu và ngày Nhi đồng Quốc tế (24-9-1961)*. Ngô Đình Diệm.
- Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. (1961b). *Huấn từ của Tổng thống Việt Nam Cộng Hoà đọc trong dịp lễ khai giảng long trọng Viện Đại học Huế (3-10-1961)*. Ngô Đình Diệm.
- Thư viện Khoa học tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. (1961c). Tinh thần Trần Hưng Đạo - Lê Lợi: tinh thần quật cường của dân tộc. (19). *Tờ báo Văn Đàn. Năm thứ nhất*.
- Thư viện Khoa học tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. (1962, 2). Lễ khánh thành đài kỉ niệm và ngày lễ Hai Bà Trưng. IV(4(34)). *Sáng Dội Miền Nam*.

- Thư viện Khoa học tổng hợp TP.HCM. (1958, 10 28). *Chế độ các ngày khánh tiết Việt Nam. Gió nam - cơ quan Văn hóa Nghị luận và Thông tin của liên đoàn công chức Cách mạng Quốc gia.*
- Tran, N.-A. (2013). “Contested identities: Nationalism in the Republic of Vietnam (1954–1963)”. *Luận án Tiến sĩ*, University of California, Berkeley.
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1954-1955). *Hồ sơ số 29152: Hồ sơ tổ chức lễ trung thu năm 1954-1955.* Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1956a). *Hồ sơ số 16043: Hồ sơ v/v tổ chức lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng ngày 18.3.1956.* Phòng Phủ Tổng Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1956b). *Hồ sơ số 16044: Hồ sơ về lễ thanh minh tổ cộng Bính Thân tổ chức vào ngày 11.4.1956 tại vườn Bách thảo Sài Gòn.* Phòng Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1956-1961). *Hồ sơ số 19020: Hồ sơ Huấn thị của tổng thống trong các cuộc tiếp tân lễ tết năm 1956-1961.* Phòng Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1957a). *Hồ sơ số 16265: Hồ sơ v/v tổ chức cây mùa xuân ngày 23.01.1957 nhân dịp tết nguyên đán đinh dậu.* Phòng Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1957b). *Hồ sơ số 16268: Hồ sơ v/v tổ chức lễ kỉ niệm Hai Bà Trưng và ngày phụ nữ Việt Nam 7.3.1957.* Phòng Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1957c). *Hồ sơ số 16269: Hồ sơ về việc tổ chức lễ cầu hồn cho các Nhân sĩ nhân dịp Lễ thanh minh ngày 5.4.1957.* Phòng Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1957d). *Hồ sơ số 22814: Hồ sơ chương trình phát thanh của đài phát thanh Sài Gòn hàng tuần vào dịp tết đinh dậu năm 1957.* Phòng Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1957e). *Hồ sơ tập tài liệu của VP.PTT, Sở nghỉ lễ, Việt tân xã. Hồ sơ số 16280: về lễ kỉ niệm Trần Hưng Đạo ngày 13.9.1957 và Lê Thái Tổ ngày 15.9.1957.* Phòng Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1958a). *Hồ sơ số 16535: Hồ sơ v/v tổ chức tết nguyên đán Mậu Tuất vào ngày 18.02.1958.* Phòng Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1958b). *Hồ sơ số 16536: Hồ sơ v/v tổ chức ngày phụ nữ Việt Nam và lễ kỉ niệm Hai Bà Trưng 25.3.1958.* Phòng Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1959). *Hồ sơ số 16878: Hồ sơ v/v tổ chức Lễ thanh minh ngày 06.4.1959.* Phòng Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1960-1963). *Hồ sơ số 22411: Hồ sơ v/v tổ chức lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng năm 1960-1963.* Phòng Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1961). *Hồ sơ số 147: Hướng dẫn thi hành luật “Lành mạnh hoá xã hội” và “Bảo vệ luân lý” năm 1961-1962.* Phòng Bộ đặc nhiệm Văn hóa – Xã hội Việt Nam Cộng hòa.

- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1962). *Hồ sơ số 22406: Hồ sơ về tổ chức kỷ niệm ngày giỗ Tổ Hùng Vương năm 1951.1962*. Phòng Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1963-1964). *Hồ sơ số 29277: Tổ chức lễ giỗ tổ Hùng Vương năm 1963-1964*. Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975).
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1967-1968). *Hồ sơ số 28: Hồ sơ v/v Tổng hội Khổng học Việt Nam xin trợ cấp tiền bạc, phương tiện hoạt động năm 1967-1968*. Phòng Bộ Văn hóa Việt Nam Cộng hòa.
- Tuong, V., & Sean, F. (2019). Introduction. In trong V. Tuong, & F. Sean (Eds.), *The Republic of Vietnam, 1955-1975: Vietnamese Perspectives on Nation Building*. Cornell University Press.